

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18/8/2021  
“V/v tranh chấp ly hôn và  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Phi Anh;  
2. Ông Nguyễn Văn Biên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy A; địa chỉ: Ngõ 6, đường H, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Phong S; địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn N, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang xuất khẩu lao động tại: Nhật Bản, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Thúy A đăng ký kết hôn với anh Trần Phong S ngày 25/4/2017 tại UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị A và anh S có 01 con chung: Cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/12/2017. Từ khi kết hôn đến nay cuộc sống của hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không thể hòa hợp được. Ngày 17/3/2020, anh S đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị A nhiều lần yêu cầu anh S có trách nhiệm với gia đình vợ con, nhưng anh S không còn liên lạc và không có trách nhiệm với vợ con. Tình cảm vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Vì vậy, chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Phong S.

Về con chung: Chị A yêu cầu Tòa án giao cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/12/2017 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng và đề nghị anh Trần Phong S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về nợ chung và tài chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn:* Anh Trần Phong S hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, gia đình anh S cũng không biết địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc thông qua điện thoại. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Ngọc B (Là mẹ đẻ của anh S), bà B đã viết cam đoan thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S biết. Tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2021, bà B (mẹ của anh S) trình bày: Sau khi trao đổi nội dung việc Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh S đồng ý giải quyết ly hôn, đồng ý giao cháu Trần Nguyễn Bảo C cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng và anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu C đủ tuổi thanh niên.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy A với anh Trần Phong S là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được, đến ngày 17/3/2020 anh S đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay không về, không quan tâm đến vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Trần Phong S.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Trần Phong S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trần Phong S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S. Hiện tại anh S đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Theo Công văn số 505/PA08 (Đ1) ngày 14/4/2021 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận: Anh Trần Phong S đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 17/3/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng:*

Trước khi thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị A không biết địa chỉ của anh S tại Nhật Bản nên không cung cấp được địa chỉ của anh S. Tòa án đã tiến

hành xác minh bà Trần Thị Ngọc B (Là mẹ đẻ của anh S), nhưng bà B cũng không biết địa chỉ của anh S tại Nhật Bản nên không cung cấp được địa chỉ của anh S, nhưng anh S thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng của anh S như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho bà B nhận thay và bà B đã viết cam đoan giao lại các văn bản tố tụng cũng như thông báo nội dung văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S biết.

*[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Trần Phong S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A và bị đơn anh Trần Phong S.

*[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A, Hội đồng xét xử thấy:*

*[4.1] Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trần Phong S đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình ngày 25/4/2017 trên cơ sở tự nguyện. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A xin được ly hôn với anh Trần Phong S, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, chị A và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2020, anh S đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng xa cách, mâu thuẫn càng phát sinh và không thể hòa hợp, chị A và anh S không còn liên lạc với nhau. Anh S không còn quan tâm, chăm lo đến cuộc sống của vợ con. Như vậy, tình cảm vợ chồng chị A và anh S không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên không thể kéo dài. Tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2021, bà B (mẹ của anh S) trình bày: Sau khi trao đổi nội dung việc Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh S đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Trần Phong S.

*[4.2] Về con chung:*

Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trần Phong S có 01 con chung cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/12/2017. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu C cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Chị A là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, hiện tại anh S đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2021, bà B (mẹ của anh S) trình bày: Sau khi trao đổi nội dung việc Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh S đồng ý giao cháu C cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/12/2017 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng.

*[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con:*

Chị A yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử thấy: Hiện tại anh S đang xuất khẩu lao động tại Nhật

Bản, theo Biên bản xác minh ngày 16/6/2021, bà B (mẹ của anh S) trình bày: Sau khi trao đổi nội dung việc Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh S đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu C đủ tuổi thanh niên. Căn cứ Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C 2.000.000đồng/tháng đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và anh Trần Phong S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 và điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 107, Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A.

1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Trần Phong S.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Phong S phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/12/2017 số tiền 2.000.000đồng/tháng đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 000819 ngày 27/04/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Trần Phong S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND TT.Nông trường Lệ Ninh;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

## Hội thẩm nhân dân

## Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Phan Phi Anh**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND phường Hòa Hiệp Bắc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Thu Hà**